

Bình Định, ngày 05 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023 của
Viện KSND tỉnh Bình Định

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BCT ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Thông báo số 150/TB-VKSTC ngày 01/8/2024 về Thông báo, xét duyệt, thẩm định quyết toán quyết toán ngân sách năm 2023 của Viện KSND tối cao;

Theo đề nghị của đồng chí Chánh Văn phòng Viện KSND tỉnh Bình Định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Viện KSND tỉnh Bình Định (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Kế toán trưởng Viện KSND tỉnh Bình Định và các đơn vị trực thuộc thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Viện KSND tối cao (BC);
- LĐV;
- Trang TTĐT tỉnh BD;
- Lưu VT, TV (Hg-5b)

VIỆN TRƯỞNG

Trần Văn Sang

Đơn vị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định
Chương: 004

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 540/QĐ-VKS-VP ngày 05/8/2024 của Viện trưởng Viện KSND tỉnh Bình Định)

Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
					Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn	Văn phòng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân
1	2	3	4	5 = 4-3	6	7	8
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	47.382.579.325	47.382.579.325		4.227.988.175	21.731.727.496	1.960.920.491
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	47.382.579.325	47.382.579.325		4.227.988.175	21.731.727.496	1.960.920.491
I	Nguồn ngân sách trong nước	47.382.579.325	47.382.579.325		4.227.988.175	21.731.727.496	1.960.920.491
1	Chi quản lý hành chính	47.128.879.325	47.128.879.325		4.227.988.175	21.478.027.496	1.960.920.491
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	40.955.711.325	40.955.711.325		4.158.488.175	15.788.859.496	1.923.420.491
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6.173.168.000	6.173.168.000		69.500.000	5.689.168.000	37.500.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở						
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	253.700.000	253.700.000			253.700.000	
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	253.700.000	253.700.000			253.700.000	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						

Đơn vị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định
Chương: 004

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ	Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Vĩnh Thạnh	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước	Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão	Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát
1	2	9	10	11	12	13	14
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.620.011.393	1.191.310.000	2.438.000.000	1.524.220.000	2.720.350.000	2.649.850.000
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.620.011.393	1.191.310.000	2.438.000.000	1.524.220.000	2.720.350.000	2.649.850.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.620.011.393	1.191.310.000	2.438.000.000	1.524.220.000	2.720.350.000	2.649.850.000
1	Chi quản lý hành chính	2.620.011.393	1.191.310.000	2.438.000.000	1.524.220.000	2.720.350.000	2.649.850.000
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.581.011.393	1.169.810.000	2.402.000.000	1.502.720.000	2.637.850.000	2.610.350.000
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	39.000.000	21.500.000	36.000.000	21.500.000	82.500.000	39.500.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở						
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						

ml

Đơn vị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định

Chương: 004

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn	Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh			
1	2	15	16	17			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.230.640.000	2.453.740.000	1.633.821.770			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.230.640.000	2.453.740.000	1.633.821.770			
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.230.640.000	2.453.740.000	1.633.821.770			
1	Chi quản lý hành chính	2.230.640.000	2.453.740.000	1.633.821.770			
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.191.140.000	2.411.240.000	1.578.821.770			
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	39.500.000	42.500.000	55.000.000			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở						
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						

ml

Đơn vị báo cáo: **Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định**
Mã chương: **004**
Mã ĐVQHNS: **1053521**

CÔNG KHAI THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NSNN NĂM 2023

*(Kèm theo Quyết định số 540/QĐ-VKS ngày 05/8/2024
của VKSND tỉnh Bình Định)*

A. TÌNH HÌNH CHUNG

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định có 12 đơn vị dự toán cấp III, bao gồm: Văn phòng viện tỉnh và 11 đơn vị Viện KSND cấp huyện trực thuộc.

1. Tình hình người lao động

1.1. Về biên chế

Số biên chế được giao theo Quyết định số 18/QĐ-VKSTC ngày 28/10/2022 của Viện trưởng Viện KSND tối cao cho Viện KSND tỉnh Bình Định là 203 biên chế, thực hiện năm 2023: 177 biên chế, còn thiếu 26 biên chế chưa tuyển.

1.2. Về hợp đồng lao động

Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được giao: 37 người, thực hiện 33 người (bao gồm các hợp đồng lao động làm công việc lái xe ô tô, bảo vệ, tạp vụ và đã ký lương theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Tình hình thực hiện thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên

2.1. Dự toán ngân sách nhà nước được giao

- Tổng số kinh phí quản lý hành chính được giao: 47.387.430.000 đồng, trong đó:
 - + Kinh phí thực hiện tự chủ: 41.188.980.000 đồng;
 - + Kinh phí không thực hiện tự chủ: 6.198.450.000 đồng.
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: 253.700.000 đồng.

Căn cứ dự toán được Viện KSND tối cao giao và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức hiện hành của nhà nước, nhiệm vụ trọng tâm năm, các nhiệm vụ đặc thù của Ngành, các nhiệm vụ phát sinh, Viện KSND tỉnh đã phân bổ kinh phí được giao đến từng đơn vị dự toán trực thuộc công khai theo đúng tổng mức và các nội dung nguồn vốn được giao của Quyết định số 131/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2022 của Viện KSND tối cao.

2.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên



ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán VKSND tối cao giao	Dự toán đã phân bổ trong năm	Kinh phí được quyết toán	Tỷ lệ % QT/DT
	Tổng cộng	47.641.130.000	47.641.130.000	47.374.548.325	99,4%
I	Kinh phí Quản lý nhà nước (L 340 – K 341)	47.387.430.000	47.387.430.000	47.120.848.325	99,4%
1	Kinh phí QLNN thực hiện chế độ tự chủ	41.188.980.000	41.188.980.000	40.955.711.325	99,4%
2	Kinh phí QLHC không thực hiện chế độ tự chủ	6.198.450.000	6.198.450.000	6.165.137.000	99,4%
1.1	Kinh phí tính giảm biên chế				
1.2	Kinh phí trang phục	923.450.000	923.450.000	923.441.000	99,9%
1.3	Kinh phí sửa chữa, bảo trì trụ sở	850.000.000	850.000.000	816.696.000	96,1%
1.4	Kinh phí Đề án mua sắm	3.315.000.000	3.315.000.000	3.315.000.000	100%
1.5	Kinh phí thuê luật sư, trợ cấp nhân chứng	32.000.000	32.000.000	32.000.000	100%
1.6	Chi nhiệm vụ tăng thêm theo BLHS, BLTTHS	664.000.000	664.000.000	664.000.000	100%
1.7	Kinh phí hỗ trợ công tác KS trại giam, trại tạm giam	280.000.000	280.000.000	280.000.000	100%
II	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	253.700.000	253.700.000	253.700.000	100%
1	Đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ (L 070 - K 085)	253.700.000	253.700.000	253.700.000	100%

B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao

Năm ngân sách 2023, VKSND tỉnh Bình Định đã thực hiện đúng các nhiệm vụ chi trong năm. Quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 đạt 99,4% so với dự toán được giao. Lý do:

- Kinh phí giảm trong năm: 33.313.000 đồng, trong đó:

+ Nguồn kinh phí không tự chủ hủy tại KBNN: 33.313.000 đồng do đơn vị hết nhiệm vụ chi (trong đó phần kinh phí sửa chữa, bảo trì trụ sở số tiền 33.304.000đ, kinh phí trang phục số tiền 9.000đ)

- Số dư dự toán và kinh phí chuyển nguồn sang năm 2024: 237.254.769 đồng là kinh phí tự chủ được chuyển nguồn sang năm 2024 (Trong đó nguồn kinh phí tự chủ là 187.018.000đ, kinh phí nguồn cải cách tiền lương là 50.236.769đ)

2. Nguồn ngân sách nhà nước trong nước

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 3.986.094 đồng.
 - Tổng dự toán được giao trong năm: 47.641.130.000 đồng.
- Trong đó:
- + Dự toán giao đầu năm: 46.140.400.000 đồng;
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 1.500.730.000 đồng.
 - Kinh phí quyết toán: 47.374.548.325 đồng.
 - Kinh phí giảm trong năm: 33.313.000 đồng.
 - Số dư kinh phí chuyển sang năm sau sử dụng: 237.254.769 đồng.

II. Thuyết minh khác

1. Dự toán quỹ tiền lương được giao năm 2023: 29.210.870.000 đồng, quyết toán quỹ tiền lương năm 2023: 28.790.514.969 đồng, quỹ lương dư số tiền 420.355.031 đồng

2. Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm 3.986.294.992 đồng, sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính 3.986.294.992 đồng để chi:

- Thu nhập tăng thêm: 2.042.766.958 đồng;
- Phúc lợi tập thể: 1.855.365.034 đồng;
- Trích lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập: 88.163.000 đồng.



Handwritten signature in blue ink.